

Bản án số: **01/2024/KDTM-ST.**

Ngày: **15/4/2024.**

*“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng
và Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG-TỈNH HẢI DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tố Uyên

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Khương Thị Lơ và bà Hồ Thị Hiên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2023/TLST-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐ-HPT, ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V.**

Địa chỉ trụ sở: số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí D: Ông Phạm Tuấn A – chức danh: Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ Pháp lý theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 và theo văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN-CTQT của Chủ tịch Hội đồng quản trị VPbank. Người đại diện theo ủy quyền lại (theo văn bản ủy quyền số 36/2022/UQ-LCC-KHDN MB1 ngày 10/10/2022 là ông Nguyễn Tuấn N - Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Trần Sơn T – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ và ông Hoàng Kim C – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ. Địa chỉ liên lạc: Số 78, tầng 7, phố Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Công ty TNHH thương mại L**. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Xuân D1 – Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ liên lạc: Đội 3, thôn Mậu Tài, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

(Ông Hoàng Kim Cường có mặt tại phiên tòa; Ông Bùi Xuân Dũng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/6/2019 Ngân hàng TMCP V có ký giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, không có tài sản bảo đảm với Công ty TNHH L (gọi tắt là Công ty L) được sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức **59.500.000đ** (*Năm mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng*); thời hạn hạn mức thẻ tín dụng là 60 tháng; mục đích sử dụng vốn thông qua việc phát hành thẻ: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty; Lãi suất và phương thức tính lãi: lãi được cộng dồn hàng ngày theo dư nợ của Chủ thẻ và được tính theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn: Trong vòng 60 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu Khách hàng không thanh toán đủ trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trên Sao kê kỳ gần nhất: phần trị giá thanh toán tối thiểu chưa thanh toán sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng. Số dư nợ còn lại (sau khi đã trừ đi trị giá thanh toán tối thiểu) vẫn được tính theo mức lãi cho vay trong hạn đang áp dụng. Sau 60 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán đầu tiên mà khách hàng không thanh toán đủ trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trên Sao kê kỳ gần nhất: Toàn bộ dư nợ của khách hàng sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng. Ngoài khoản lãi quá hạn, khách hàng phải thanh toán khoản phạt chậm trả (nếu có) theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày 04/7/2019 giữa Ngân hàng V với Công ty L có ký Hợp đồng cho vay số 030719-5444669-01-SME về việc Ngân hàng V cho Công ty L vay số tiền **455.200.000đ** (*Bốn trăm năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng*); thời hạn hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày 04/07/2019 đến ngày 04/07/2024; Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán một phần tiền mua 01 xe ô tô con 5 chỗ TOYOTA VIOS 1.5E CVT, mới 100% theo HĐ mua bán xe ô tô số 0599/HĐ-THA/2019. Lãi suất cho vay trong hạn: được quy định trong (các) Khế ước nhận nợ ký giữa bên vay và bên Ngân hàng là 12.1%/năm. Cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 03 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 04/10/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng:

lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.5%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn trả nợ : Khách hàng phải thanh toán nợ gốc định kỳ 01 tháng/ lần định kỳ vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 15/08/2019; trả nợ lãi khách hàng phải trả nợ lãi cho ngân hàng định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 15 hàng tháng, kỳ trả nợ lãi đầu tiên là ngày 15/08/2019. Để bảo đảm cho khoản vay thì Công ty L đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Vios E, số khung: 3F30K5064004; số máy: 2NRX4353706; BKS: 34A-314.38 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058463 do phòng Cảnh sát giao thông- công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 01/07/2019 đứng tên Công ty L. Xác lập thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 030719-5444669-01-SME/TC ngày 04/07/2019. Trên cơ sở hai bên đã ký Hợp đồng cho vay và thế tín dụng, Ngân hàng V đã giải ngân cho Công ty L vay tổng số tiền thể hiện tại các khế ước nhận nợ là **514.700.000đồng** (*Năm trăm mười bốn triệu, bảy trăm nghìn đồng*).

Quá trình thực hiện nghĩa vụ đối với nội dung tại các Hợp đồng, Công ty L đã trả nợ cho Ngân hàng được số tiền gốc theo thế tín dụng là 11.773.947đồng đến ngày 24/11/2021 Công ty L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thế tín dụng quốc tế, không có tài sản bảo đảm. Đồng thời, Công ty trả nợ cho Ngân hàng V được số tiền gốc theo Hợp đồng cho vay là 213.215.637đ, đến ngày 15/12/2021 Công ty L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi của Hợp đồng cho vay cho VPBank. Do vậy, Công ty L phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại các Hợp đồng hai bên đã ký tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ (ngày 24/11/2021 và ngày 15/12/2021) nêu trên. Kể từ đó cho đến nay, mặc dù Ngân hàng V đã đôn đốc bằng hình thức gọi điện thoại, gặp trực tiếp ông D, gửi thông báo yêu cầu trả nợ và thông báo về việc khởi kiện Công ty L cho ông Bùi Xuân D là người đại diện theo pháp luật của Công ty L nhiều lần; đồng thời yêu cầu ông D bàn giao tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nêu trên để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ nhưng Công ty L vẫn không thực hiện nghĩa vụ đối với Ngân hàng nên VPBank đã khởi kiện Công ty L. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án VPBank đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết:

1. Buộc Công ty L phải thanh toán trả nợ Ngân hàng V số tiền nợ tạm tính đến ngày 11/3/2024, theo Hợp đồng cho vay là **375.743.944 đ**, (*trong đó: Nợ gốc: 241.984.363 đồng; nợ lãi: 114.959.859 đồng; nợ lãi chậm trả 18.799.722đ*). Số tiền nợ thế tín dụng Quốc tế là

93.129.726 đ, (trong đó nợ thế: 47.726.053 đồng; nợ lãi 45.403.672đ). Tổng cộng: 468.873.669 đồng (Bốn trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi chín đồng).

2. Buộc Công ty L phải thanh toán phần nợ lãi, tiền chậm trả lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại hợp đồng cho vay hai bên đã ký, kể từ ngày 12/3/2024 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng V

3. Trường hợp Công ty L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng V được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Vios E, số khung: 3F30K5064004; số máy: 2NRX4353706; BKS: 34A-314.38 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058463 do phòng Cảnh sát giao thông- công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 01/07/2019 đứng tên công ty Công ty L. Xác lập thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 030719-5444669-01-SME/TC ngày 04/07/2019 để thu hồi nợ.

4. Trường hợp số tiền thu hồi sau khi xử lý tài sản đảm bảo trên không đủ để trả nợ cho Ngân hàng V, thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty L để thu hồi khoản nợ cho đến khi Công ty L thanh toán hết khoản nợ cho VPBank.

5. Về chi phí tố tụng và án phí: Đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền án phí và các khoản chi phí khác (nếu phải thi hành) theo pháp luật.

Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập bị đơn là ông Bùi Xuân Dũng là người đại diện theo pháp luật của Công ty L đều vắng mặt không có lý do và không gửi cho Tòa án quan điểm về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã cùng đại diện chính quyền địa phương tiến hành xác minh tại địa chỉ trụ sở của Công ty L, trụ sở Công an xã; UBND xã và làm việc trực tiếp với bà Lê Thị Hòa là mẹ đẻ của ông Dũng tại địa chỉ Công ty L, bà Hòa cho biết: ông D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Trụ sở chính của Công ty L nhưng do Công ty làm ăn không thuận lợi nên ông D đi làm ăn xa, không có mặt tại các địa chỉ nêu trên, hiện ở đâu bà Hòa cũng không biết nhưng hàng ngày vẫn liên lạc về nhà cho bà thăm hỏi sức khỏe và nắm bắt thông tin từ bà Hòa. Bà Hòa xác định ông D biết việc Ngân hàng khởi kiện Công ty L nhưng ông nhờ bà Hòa thông báo cho Ngân hàng biết hiện ông đi làm ăn xa, có tiền sẽ về trả nợ cho Ngân hàng. Do vậy, Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Dũng theo địa chỉ cư trú, thông qua bà Hòa là mẹ đẻ của ông D ở cùng nhà và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết. Buộc Công ty L

phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi, tạm tính đến hết ngày xét xử (15/4/2024), theo Hợp đồng cho vay là 375.743.944 đ, (trong đó: Nợ gốc: 241.984.363 đồng; nợ lãi: 114.959.859 đồng; nợ lãi chậm trả 18.799.722đ) và số tiền nợ thẻ tín dụng Quốc tế là 95.638.355đ, (trong đó nợ thẻ: 47.726.053 đồng; nợ lãi 47.912.302đ). Tổng cộng: **471.382.299 đồng** (Bốn trăm bảy mươi một triệu, ba trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm chín mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/4/2024 theo Hợp đồng cho vay và theo thẻ tín dụng Quốc tế cho đến khi trả nợ xong VPBank. Trường hợp Công ty L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đúng theo nội dung bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để xử lý thu hồi toàn bộ nợ. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản bảo đảm theo thủ tục thi hành án không đủ trả nợ Ngân hàng V thì đề nghị Tòa án buộc Công ty L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ theo phán quyết của bản án. Đề nghị Tòa án buộc Công ty L phải chịu toàn bộ án phí theo pháp luật. Về khoản chi phí tố tụng: Ngân hàng tự nguyện không yêu cầu Công ty L phải chịu khoản chi phí tố tụng.

* Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Giàng phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của pháp luật. Đối với các đương sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị áp dụng Điều 117; Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V buộc Công ty L phải trả cho Ngân hàng VP bank tổng dư nợ tạm tính đến ngày 15/4/2024 là: Nợ gốc theo hợp đồng tín dụng là 241.984.363 đồng; theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế là 47.726.053đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ nếu Công ty L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, cụ thể 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, số loại VIOS E, BKS 34A-314.38.

- Nếu tài sản bảo đảm trên không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại các tài sản khác thuộc thẩm quyền sở hữu, sử dụng của công ty Lavender để thu hồi khoản nợ cho đến khi Công ty L thanh toán hết khoản nợ cho VP bank.

Về án phí: Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng V; Buộc Công ty L phải chịu số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quyền khởi kiện và thời hiệu khởi kiện: Ngày 03/6/2019 giữa Ngân hàng V với Công ty L được sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế với hạn mức **59.500.000đ**; thời hạn hạn mức thẻ tín dụng là 60 ngày và ngày 04/7/2019 giữa Ngân hàng V với Công ty L (được gọi tắt là Công ty L) có ký Hợp đồng cho vay số 030719-5444669-01-SME về việc Ngân hàng VPBank – Chi nhánh Kinh Đô Công ty L vay số tiền **455.200.000đ**, thời hạn hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày 04/07/2019 đến ngày 04/07/2024. Mặc dù, chưa hết thời hạn vay nhưng Công ty L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 24/11/2021 và không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/12/2021. Nên Ngân hàng V gửi đơn khởi kiện Công ty L được Tòa án thụ lý vụ án ngày 12/12/2023. Như vậy, xác định Ngân hàng khởi kiện về thời hiệu được quy định tại Điều 319 Luật Thương mại và Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 429 của Bộ luật dân sự.

1.2. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, Tòa án xác định Ngân hàng V và Công ty Công ty L là hai chủ thể có đăng ký kinh doanh, ký kết Hợp đồng, thẻ tín dụng đều vì mục đích lợi nhuận. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp Kinh doanh thương mại. Công ty L có địa chỉ Trụ sở tại Đội 3, thôn Mậu Tài, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh

Hải Dương được quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Quá trình Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần, niêm yết theo qui định của pháp luật cho bị đơn theo địa chỉ trụ sở chính Công ty L và địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của người đại diện theo pháp của Công ty L tại Đội 3, thôn Mậu Tài, xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Nhưng ông Bùi Xuân D – Giám đốc Công ty TNHH thương mại và giao nhận Lavender vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V, HĐXX nhận thấy:

2.1. Tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 03/6/2019, thể hiện việc Ngân hàng TMCP V (được gọi tắt là Ngân hàng VPBank) cho Công ty L số tiền **59.500.000đ** (*Năm mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng*). Tại giấy đề nghị sử dụng thẻ tín dụng quốc tế qui định rõ thời hạn hạn mức thẻ tín dụng là 60 tháng; mục đích sử dụng vốn thông qua việc phát hành thẻ: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh vận tải của Công ty; Lãi suất và phương thức tính lãi: lãi được cộng dồn hàng ngày theo dư nợ của Chủ thẻ và được tính theo mức lãi suất do Ngân hàng quy định từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn: Trong vòng 60 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu Khách hàng không thanh toán đủ trị giá thanh toán tối thiểu ghi nhận trên Sao kê kỳ gần nhất: phần trị giá thanh toán tối thiểu chưa thanh toán sẽ bị tính lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng. Ngoài khoản lãi quá hạn, khách hàng phải thanh toán khoản phạt chậm trả (nếu có) theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2. Tại Hợp đồng cho vay số 030719-5444669-01-SME ngày 04/7/2019, thể hiện Ngân hàng Vcho Công ty L (được gọi tắt là Công ty Lavender) vay số tiền **455.200.000đ** (*Bốn trăm năm mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng*). Tại Hợp đồng hai bên đã ký kết được qui định về thời hạn vay là 60 tháng (kể từ ngày 04/07/2019 đến ngày 04/07/2024); Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán một phần tiền mua 01 xe ô tô con 5 chỗ TOYOTA VIOS 1.5E CVT, mới 100% theo HĐ mua bán xe ô tô số 0599/HĐ-THA/2019. Lãi suất cho vay trong hạn là 12.1%/năm được quy định tại khế ước nhận nợ ngày 04/7/2019 hai bên đã ký. Cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, hết thời hạn 03 tháng lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 04/10/2019. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.5%/năm; Lãi suất quá hạn: Bằng

150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Căn cứ các điều, khoản được quy định tại Hợp đồng cho vay và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm mà các bên đã ký kết. HĐXX thấy rằng các bên tham gia đều có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích của các hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập Hợp đồng cho vay được thực hiện đúng trình tự của pháp luật về tín dụng Ngân hàng; tài sản thế chấp được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận và thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên thế chấp và Hợp đồng thế chấp tài sản hai bên ký kết bảo đảm, đúng quy định tại Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 116; Điều 117 của Bộ luật Dân sự nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia trong hợp đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay và thẻ tín dụng Quốc tế, do Công ty L vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi nên VPBank đã chuyển toàn bộ dư nợ của Công ty L sang dư nợ quá hạn theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng cho vay và quy định tại giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm mà hai bên đã ký. Mặc dù, đã được VPBank thông báo cho Công ty L, ông D là người đại diện theo pháp luật của Công ty biết số tiền gốc và tiền lãi phải trả thể hiện tại thông báo số 15516/2022/TB-LCC-KHDN PUN MB ngày 11/3/2022 của VPBank nhưng thực tế vẫn không trả nợ cho VPBank. Sau đó, VPBank tiếp tục gửi thông báo số 0310/2022/TB-LCC-VPB ngày 03/10/2022 về việc khởi kiện Công ty L nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty L vẫn không trả nợ. Do vậy, việc VPBank đã chuyển toàn bộ dư nợ của Công ty L sang dư nợ quá hạn theo quy định tại giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm, kể từ ngày 24/11/2021 và chuyển dư nợ quá hạn theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng cho vay kể từ ngày 15/12/2021 là hoàn toàn có căn cứ. Kể từ ngày vay đến thời điểm Tòa án xét xử sơ thẩm (15/4/2024), Công ty Lavender đã trả cho VPBank được số tiền gốc theo Hợp đồng cho vay là 213.215.637đ và trả số tiền gốc sử dụng thẻ tín dụng là 11.773.947đ. Tính đến hết ngày 15/4/2024 Công ty L còn nợ VPBank tổng số tiền gốc, lãi theo Hợp đồng cho vay và giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng là: **375.743.944đ**, (trong đó: Nợ gốc: 241.984.363 đồng; nợ lãi: 114.959.859 đồng; nợ lãi chậm trả 18.799.722đ) và số tiền nợ thẻ tín dụng Quốc tế là **95.638.355đ**, (trong đó nợ thẻ: 47.726.053 đồng; nợ

lãi 47.912.302đ). Tổng cộng: **471.382.299** đồng (*Bốn trăm bảy mươi một triệu, ba trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm chín mươi chín đồng*).

Từ những đánh giá phân tích nêu trên, HĐXX nhận định: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; bị đơn không có mặt tại Trụ sở Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án và không cung cấp bất cứ tài liệu gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, HĐXX căn cứ vào những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được qui định tại khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo yêu cầu của Nguyên đơn. Việc VPBank cho Công ty L vay 2 khoản tiền nêu trên thể hiện tại Khế ước nhận nợ và bên Ngân hàng và được hiện hiện tại thẻ tín dụng Quốc tế giữa 2 bên đã ký kết. Do Công ty L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên VPBank khởi kiện yêu cầu Công ty Lavender phải trả cho VPBank số tiền gốc và lãi còn nợ, tính đến ngày xét xử = 471.382.299 đồng; đồng thời tiếp tục phải thanh toán tiền nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 03/6/2019 và tại Hợp đồng cho vay số 030719-5444669-01-SME ngày 04/7/2019 hai bên đã ký, kể từ ngày 16/4/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho VPBank là hoàn toàn có căn cứ, theo quy định tại 351 và Điều 466 Bộ luật dân sự. Cần, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là Công ty Lavender.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của Công ty L phát sinh từ Hợp đồng cho vay, Ngân hàng V đã ký Hợp đồng thế chấp số 030719-5444669-01-SME/TC ngày 04/07/2019. Theo Hợp đồng này, VPBank đồng ý nhận thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty L để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ vay của Công ty L đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng với Công ty L. Đặc điểm của tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Vios E, số khung: 3F30K5064004; số máy: 2NRX4353706; BKS: 34A-314.38 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058463 do phòng Cảnh sát giao thông- công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 01/07/2019 đứng tên Công ty L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo và yêu cầu ông Bùi Xuân D là người đại diện theo pháp luật của Công ty L là người quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô này, tập kết về trụ sở Công ty L để Tòa án tiến hành thẩm định nhưng ông Dũng cũng không thực hiện thông báo của Tòa án. Căn cứ thông tin do Phòng cảnh sát giao thông-Công an tỉnh Hải Dương đã tra cứu trên hệ thống đăng ký xe và cung cấp cho Tòa án ngày 26/01/2024, kết quả: Xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Vios E; BKS: 34A-314.38 vẫn thuộc sở hữu của Công ty L, đăng ký lần đầu ngày 01/07/2019 chủ phương tiện chưa thực hiện thủ tục đăng ký xe khác. Do vậy, HĐXX nhận định: Hợp đồng thế chấp hai bên đã ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định

của pháp luật nên Hợp đồng thế chấp số 030719-5444669-01-SME/TC ngày 04/07/2019 hoàn toàn hợp pháp, việc thế chấp tài sản có hiệu lực kể từ thời điểm hai bên ký kết theo qui định tại Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006, mục 3 khoản 19 Điều 1 Nghị định 11 ngày 22/02/2012 sửa đổi bổ sung Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và chủ sở hữu đối với tài sản vẫn đang trực tiếp quản lý sử dụng nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp.

[4] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải chịu toàn bộ khoản tiền chi phí tố tụng do nguyên đơn đã tạm ứng. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn xác định khoản tiền chi phí tố tụng không lớn, tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, không đặt ra giải quyết đối với khoản chi phí này.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của VPBank được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền án phí VPBank đã nộp tạm ứng. Công ty L phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH.

Căn cứ áp dụng Điều 116; Điều 117; Điều 298; Điều 299; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 323; Điều 351; Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm; Điều 4; Điều 306 Luật Thương mại; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 70; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V

1.1. Buộc Công ty L phải trả cho Ngân hàng V, theo giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 03/6/2019, tính đến hết ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử (15/4/2024) với tổng số tiền nợ thẻ tín dụng Quốc tế là **95.638.355đ** (trong đó nợ thẻ: 47.726.053 đồng; nợ lãi 47.912.302đ);

1.2. Buộc Công ty L phải trả cho Ngân hàng V, theo Hợp đồng cho vay số 030719-5444669-01-SME ngày 04/7/2019, tính đến hết ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử (15/4/2024) với tổng số tiền là: **375.743.944 đ**, (trong đó: Nợ gốc:

241.984.363 đồng; nợ lãi: 114.959.859 đồng; nợ lãi chậm trả 18.799.722đ). Tổng cộng 2 khoản nợ Công ty L phải trả cho Ngân hàng V, số tiền **471.382.299 đồng** (Bốn trăm bảy mươi một triệu, ba trăm tám mươi hai ngàn, hai trăm chín mươi chín đồng).

1.3. Buộc Công ty L tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 03/6/2019 và theo Hợp đồng cho vay số 030719-5444669-01-SME ngày 04/7/2019 mà hai bên đã ký, kể từ ngày 16/4/2024 cho đến khi trả hết nợ Ngân hàng V.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà Công ty L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng V có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Toyota, số loại Vios E, số khung: 3F30K5064004; số máy: 2NRX4353706; BKS: 34A-314.38 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 058463 do phòng Cảnh sát giao thông- công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 01/07/2019 đứng tên Công ty L. Xác lập thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 030719-5444669-01-SME/TC ngày 04/07/2019. Trường hợp số tiền bán tài sản thế chấp lớn hơn khoản nợ phải trả cho Ngân hàng V thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho bên thế chấp. Nếu số tiền bán tài sản thế chấp không đủ để trả nợ cho Ngân hàng V thì Công ty L phải tiếp tục thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng V

3. Về án phí:

- Buộc Công ty L phải chịu tổng số tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là **22.855.291 đồng** (Hai mươi hai triệu, tám trăm năm mươi lăm ngàn, hai trăm chín mươi một đồng).

- Hoàn trả Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000đ đồng (Mười triệu đồng chẵn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án. Ký hiệu: BLTU/23 số 0000038 ngày 12/12/2023, do ông Trần Sơn T nộp thay Ngân hàng TMCP V tại Chi cục thi hành án huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự là nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trương Thị Tố Uyên